

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II
NHÓM CM: SINH HỌC

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN SINH HỌC 8

NĂM HỌC 2022 - 2023

Cả năm: 35 tuần (70 tiết)

Học kì I: 18 tuần (36 tiết)

Học kì II: 17 tuần (34 tiết)

STT	Tiết	Chương/Bài học (Chủ đề)	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài mở đầu.	- HS nêu được mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học. - HS XD được vị trí con người trong TN, các đặc điểm tiến hóa của con người so với động vật. - HS trình bày được các phương pháp học tập bộ môn.	CNTT (khai thác tranh ảnh qua SGK điện tử)	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI							
2	2	Cấu tạo cơ thể người.	- HS nêu được tên các cơ quan trong cơ thể, xác định vị trí của các hệ cơ quan trong cơ thể. - HS giải thích được vai trò của hệ thần kinh và hệ nội tiết trong sự điều hòa hoạt động của các cơ quan	- Mô hình cấu tạo nửa cơ thể người	- Giáo dục đạo đức		
3	3	Tế bào.	- HS nêu được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm màng, chất tế bào, nhân. - HS phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào. - Chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của cơ thể. - HS khuyết tật: nắm được 3 bộ phận chính của Tế bào.	- CNTT: Tranh: Cấu tạo tế bào (Nguồn sgk điện tử)	- Giáo dục đạo đức	- Mục II. Lệnh ▼ trang 11 - Không thực hiện. - Mục III: Thành phần hoá học của tế bào - Không dạy	

4	4	Mô.	- HS nêu được khái niệm mô, phân biệt được các loại mô chính trong cơ thể - HS nắm được cấu tạo và chức năng từng loại mô trong cơ thể	- Tranh H4-1,2,3,4 (Nguồn sgk điện tử) - PHT		- Mục II- Không dạy chi tiết chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài - Mục I. Lệnh ▼ trang 14; Mục II.1. Lệnh ▼ trang 14; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 15; Mục II.3. Lệnh ▼ trang 15 (Không thực hiện).	
5	5	<i>Thực hành:</i> Quan sát tế bào và mô.	- HS củng cố lại kiến thức đã học - HS chuẩn bị được các tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân - Quan sát được các tiêu bản, phân biệt được các bộ phận	- Kính HV - Lam kính, lamên - Miếng thịt lợn tươi - Bộ đồ mổ	- Giáo dục đạo đức		
6	6	Phản xạ.	- HS nêu được cấu tạo và chức năng của noron - HS chỉ rõ 5 thành phần của một cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ - Phân biệt được cung phản xạ và vòng phản xạ	-Tranh vẽ H6-1,2 (Nguồn sgk điện tử) - PHT	- Giáo dục đạo đức	- Mục I. Lệnh ▼ trang 21; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 21 – Không yêu cầu hs thực hiện - Mục II.3. Vòng phản xạ khuyến khích tự đọc	
CHƯƠNG II. VẬN ĐỘNG							
7	7	Chủ đề: Bộ xương (6 tiết) Bộ xương (T1)	- Học sinh trình bày được các thành phần chính của bộ xương và xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình. - Phân biệt các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động.	Mô hình bộ xương người; CNTT: Tranh H7.2,7.4 (Nguồn sgk điện tử)	- Giáo dục đạo đức	Mục II. Phân biệt các loại xương khuyến khích tự đọc	
8		Chủ đề: Bộ xương Cấu tạo và tính chất của xương (T2)	- HS trình bày được cấu tạo của một xương dài từ đó giải thích được sự lớn lên của xương và khả năng chịu lực của xương. - HS xác định được thành phần hóa học của xương để chứng	- Tranh: Cấu tạo xương dài - CNTT: sử dụng sgk điện tử)	- Giáo dục đạo đức	- Mục I, Mục III. - Không dạy chi tiết chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.	

			minh được tính chất đàn hồi và cứng rắn của xương. - Hiểu được sự to ra và dài ra của xương.				
9	9	Chủ đề: Bộ xương Cấu tạo và tính chất của cơ (T3)	- HS trình bày được cấu tạo của tế bào cơ và bắp cơ - HS giải thích được tính chất cơ bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ.	- CNTT: Tranh: Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ, H9-3,4 (Nguồn sgk điện tử)	- Giáo dục đạo đức	- Mục I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ - Khuyến khích học sinh tự đọc	
10	10	Chủ đề: Bộ xương Hoạt động của cơ (T4)	- Chứng minh được cơ co sinh ra công, công của cơ được sử dụng vào lao động và di chuyển - Trình bày được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu các biện pháp chống mỏi cơ - Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ từ đó vận dụng vào đời sống thường xuyên TLTDĐT	- Máy ghi công cơ - CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	- Mục I. Công cơ: Không dạy - Mục II. Lệnh ▼ trang 34: Không thực hiện	
11	11	Chủ đề: Bộ xương Tiến hoá của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động (T5)	- CM được sự tiến hóa của người so với ĐV thể hiện ở hệ cơ xương - Vận dụng được những hiểu biết về hệ cơ để giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể chống các bệnh tật về cơ xương thường xảy ra với tuổi thiếu niên	- CNTT: Tranh:H11-1,2,3,4 (Nguồn sgk điện tử) - PHT	- Giáo dục đạo đức	- Mục I. Bảng 11: Không thực hiện - Mục II: Không dạy	
12	12	Chủ đề: Bộ xương Thực hành tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương (T6)	HS biết cách sơ cứu khi gặp người gãy xương. - Quan sát: tranh ảnh, hình vẽ, video... - TH: Băng cố định xương bị gãy	- Băng, gạc, nẹp tre (theo nhóm), kéo	- Giáo dục đạo đức		
Chương III : Tuần Hoàn							
13	13	Chủ đề: Tuần hoàn	- Trình bày được các thành phần của máu.	- Ống nghiệm máu để lắng tự nhiên 3-4 giờ	- Giáo dục đạo đức	Mục I.1. Nội dung ■ Thí nghiệm: Giáo viên mô tả	

		Máu và môi trường trong cơ thể. (T1)	- Trình bày được các chức năng của hồng cầu và huyết tương. - Phân biệt được máu , nước mô và bạch huyết. - Trình bày được vai trò của môi trường trong cơ thể.	- CNTT: Tranh vẽ H13-1,2 (Nguồn sgk điện tử)		thí nghiệm, không yêu cầu học sinh thực hiện.	
14	14	Chủ đề: Tuần hoàn Bạch cầu – Miễn dịch. (T2)	- Nắm được 3 hàng rào bảo vệ cơ thể khỏi tác nhân gây nhiễm. - Trình bày được khái niệm miễn dịch. - Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo. - Có ý thức tiêm phòng bệnh dịch.	CNTT: Tranh vẽ H14-1,2,3,4 (Nguồn sgk điện tử) - PHT	- Giáo dục đạo đức		
15	15	Chủ đề: Tuần hoàn Đông máu và nguyên tắc truyền máu. (T3)	- Học sinh nêu được hiện tượng đông máu, nắm được cơ chế đông máu và ý nghĩa của sự đông máu, ứng dụng. - Trình bày được các nguyên tắc truyền máu, ý nghĩa của sự truyền máu.	- CNTT Tranh vẽ H15 (Nguồn sgk điện tử) - PHT	- Giáo dục đạo đức		
16	16	Ôn tập	- Củng cố, hệ thống, khắc sâu kiến thức cho HS qua 3 chương : Khái quát về cơ thể người ; hệ vận động ; hệ tuần hoàn.	- PHT	- Giáo dục đạo đức		
17	17	Kiểm tra 1 tiết	- HS có kiến thức trọng tâm trong chương I, II, III.		- Giáo dục đạo đức		
18	18	Chủ đề: Tuần hoàn Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.(T4)	- HS nắm được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu, hệ bạch huyết và vai trò của chúng. - Trình bày được sơ đồ vận chuyển máu và bạch huyết trong cơ thể.	-Tranh vẽ: Sơ đồ cấu tạo hệ tuần hoàn máu - PHT -Tranh H16-2 - CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục II lệnh trang 52: Không thực hiện	
19	19	Chủ đề: Tuần hoàn	- Học sinh trình bày được trên tranh hay mô hình cấu tạo ngoài , trong của tim và hệ mạch liên	Tranh vẽ: Sơ đồ cấu tạo hệ tuần hoàn máu -Tranh H17-1,2,3	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 54, Bảng 17.1, Mục Câu hỏi	

		Tim và mạch máu.(T5)	quan đến chức năng của chúng. - Phân biệt được các loại mạch máu. - Nêu được chu kì HĐ của tim.	- CNTT: tranh ảnh khai thác qua violet.vn		và bài tập: Câu 3: Không thực hiện	
20	20	Chủ đề: Tuần hoàn Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn.(T6)	- HS trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch. - HS trình bày được các tác nhân gây hại cũng như các BP phòng tránh và rèn luyện tim mạch	- Tranh vẽ H18-1,2 - CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 58,59 – Không thực hiện	
21	21	Chủ đề: Tuần hoàn <i>TH: Sơ cứu cầm máu</i> (T7)	- HS phân biệt vết thương làm tổn thương tĩnh mạch, động mạch hay mao mạch. - Biết băng bó vết thương. Biết cách làm garô và nắm được những qui định khi đặt garô	1 cuộn băng, gạc 2 miếng, bông 1 cuộn nhỏ, dây cao su, 1 miếng vải mềm	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG IV. HÔ HẤP							
22	22	Chủ đề: Hô hấp Hô hấp và các cơ quan hô hấp. (T1)	- HS hiểu được KN hô hấp, ý nghĩa của hô hấp với cơ thể sống - XD được vị trí các cơ quan trong hệ hô hấp của người, chức năng của đường dẫn khí và hai lá phổi	- Tranh: Cấu tạo cơ quan hô hấp - PHT - CNTT: khai thác tranh ảnh qua violet.vn	- Giáo dục đạo đức	- Mục II. Bảng 20: Khuyến khích hs tự học lệnh ▼ trang 66 , mục câu hỏi và bài tập câu 2: Không thực hiện	
23	23	Chủ đề: Hô hấp Hoạt động hô hấp.(T2)	- HS trình bày được các đặc điểm chủ yếu trong cơ chế thông khí ở phổi - HS trình bày được cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào	- Tranh H21-1,2,4 - PHT	- Giáo dục đạo đức	- Mục câu hỏi và bài tập câu 2: Không thực hiện	
24	24	Chủ đề: Hô hấp Vệ sinh hô hấp. (T3)	- HS Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh cho hệ hô hấp.	- Tranh ảnh bệnh hô hấp - PHT - CNTT: khai thác tranh ảnh, video qua	- Giáo dục đạo đức		

			- HS nêu được các biện pháp phòng bệnh hô hấp và tăng sức khỏe hệ hô hấp	violet.vn			
25	25	Chủ đề: Hô hấp <i>TH: Hô hấp nhân tạo (T4)</i>	- Học sinh hiểu rõ cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo. - Nắm được trình tự các bước tiến hành hô hấp nhân tạo. - Biết PP hà hơi thổi ngạt và phương pháp ấn lồng ngực	- Chiều cá nhân - Gói bông cá nhân - Gạc	- Giáo dục đạo đức		
26	26	Chủ đề Stem: Lá phổi diệu kỳ	Hoạt động 1: Xác định vấn đề hoặc nhu cầu thực tiễn Hoạt động 2: Nghiên cứu kiến thức nền và đề xuất, lựa chọn giải pháp - HS trình bày được các bước "Thiết kế và chế tạo mô hình hoạt động của phổi" và chế tạo thành công mô hình bằng vật liệu đơn giản theo các tiêu chí: gọn nhẹ, đơn giản, cơ chế hoạt động chính xác, ổn định. - HS hiểu rõ yêu cầu vận dụng kiến thức về + Sinh học: cấu tạo hệ hô hấp, cử động hô hấp. + Vật lý: áp suất, thể tích... Hoạt động 4: Chế tạo và thử nghiệm mô hình Hệ hô hấp Hoạt động 5: Trình bày sản phẩm và đánh giá	- Chai nhựa 1,5l. - Bong bóng. - Băng keo, keo nến, bật lửa, kéo, dây chun, nilon. Giấy màu trang trí	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG V. TIÊU HOÁ							
27	27	Chủ đề: Tiêu hóa	- HS trình bày được các nhóm	- Tranh: Sơ đồ cấu tạo	- Giáo dục		

		Tiêu hoá và các cơ quan tiêu hoá (T1)	chất trong thức ăn, các hoạt động trong quá trình tiêu hóa, vai trò của tiêu hóa với con người, biết các cơ quan tiêu hoá. - HS xác định được trên mô hình các cơ quan tiêu hóa của hệ tiêu hóa ở người.	hệ tiêu hóa	đạo đức		
28	28	Chủ đề: Tiêu hóa Tiêu hoá ở khoang miệng (T2)	- HS trình bày được các hoạt động tiêu hóa diễn ra trong khoang miệng. - HS trình bày được hoạt động nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày.	- Tranh H25-1,2,3	- Giáo dục đạo đức		
29	29	Chủ đề: Tiêu hóa Tiêu hoá ở dạ dày (T3)	- HS trình bày được cấu tạo của dạ dày, quá trình tiêu hóa ở dạ dày gồm sự biến đổi lí học và hoá học và tác dụng củ mỗi sự biến đổi, biết được còn những chất nào cần được biến đổi tiếp sau khi đã được tiêu hoá ở dạ dày	- Tranh H27-1,2,3 - PHT	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 87, ý 2 (Căn cứ...): Không dạy	
30	30	Chủ đề: Tiêu hóa Tiêu hoá ở ruột non (T4)	- HS hiểu được cấu tạo của ruột non, các hoạt động tiêu hoá diễn ra ở ruột non và tác dụng của từng hoạt động - Hiểu được sự tiêu hoá hoá học ở ruột non là quan trọng, tại ruột non hoàn thành quá trình tiêu hoá biến thức ăn thành các chất dinh dưỡng (glucôzơ, axitamin, glyxerin và axit béo)	- Tranh H28-1,2,3 - PHT - CNTT: khai thác tranh ảnh ở sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 90: Không thực hiện	
31	31	Chủ đề: Tiêu hóa Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân. Vệ sinh hệ tiêu hoá	- HS trình bày được những đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ các chất dinh dưỡng. - HS nêu được các con đường	- Tranh H29-1,3 - PHT - CNTT: Khai thác tranh ảnh, bài tập cùng	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH	Mục I. Hình 29.1, Mục I. Hình 29.2 và nội dung liên quan: Không dạy	

		(T5)	vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột non tới các cơ quan, tế bào. - HS nêu được vai trò của gan trên con đường vận chuyển các chất, vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hóa. - HS trình bày được những tác nhân gây bệnh hệ tiêu hóa và tác hại của chúng. Biện pháp phòng tránh, bảo vệ hệ tiêu hóa và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả.	cổ ở sgk điện tử - CNTT: Bài tập củng cố (Nguồn sgk điện tử) và phần mềm violet			
CHƯƠNG VI. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG							
32	32	Trao đổi chất.	- Hiểu thế nào là trao đổi chất và sự chuyển hoá trong cơ thể - Phân tích được mối quan hệ giữa đồng hoá và dị hoá. Biết đồng hoá và dị hoá là 2 quá trình mâu thuẫn nhưng thống nhất - Hiểu trao đổi chất là đặc trưng cơ bản của sự sống	- Tranh H31-2 - PHT - CNTT: Khai thác tranh ảnh ở sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH		
33	33	Chuyển hoá.	- HS xác định được sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hóa và dị hóa. - HS trình bày được mối quan hệ giữa TĐC với chuyển hóa vật chất năng lượng.	- PHT	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH	Mục I. Lệnh ▼ trang 103; Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3 và câu 4*: Không thực hiện	
34	34	Ôn tập học kỳ I	- Hệ thống hóa kiến thức học kỳ I	CNTT	- Giáo dục đạo đức	Không ôn những nội dung đã tinh giản	
35	35	Kiểm tra học kỳ I	- Đánh giá kết quả học tập của HS ở học kỳ I		- Giáo dục đạo đức		
36	36	Thân nhiệt.	- Học sinh biết được khái niệm thân nhiệt và giải thích các cơ chế điều hoà thân nhiệt - Học sinh trình bày mối quan	Tranh ảnh về các vật liệu góp phần chống	- Giáo dục BDKH		

			hệ giữa dị hoá và thân nhiệt. - Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng vào đời sống các biện pháp chống nóng, lạnh, đề phòng cảm nóng, lạnh.	nóng, lạnh - CNTT Khai thác tranh ảnh qua trang violet.vn			
HỌC KÌ II							
37	37	Vitamin và muối khoáng.	- Học sinh nắm được vai trò của vitamin và muối khoáng. - Vận dụng những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong lập khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn uống hợp lí.	- CNTT: Khai thác tranh ảnh, bài tập ở sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
38	38	Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần.	- HS trình bày được nguyên nhân của sự khác nhau về nhu cầu dinh dưỡng ở các đối tượng khác nhau - HS phân biệt được giá trị dinh dưỡng có ở các loại thực phẩm chính - Xác định được cơ sở vật chất và nguyên tắc lập khẩu phần	- CNTT: Khai thác tranh ảnh, bài tập ở sgk điện tử, trang violet.vn	- Giáo dục BDKH		
39	39	<i>Thực hành:</i> Phân tích một khẩu phần cho trước.	- HS nắm vững các bước thành lập khẩu phần - HS biết cách tự xây dựng khẩu phần cho hợp lý	- PHT	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH		
CHƯƠNG VII. BÀI TIẾT							
40	40	Chủ đề: Bài tiết Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu. (T1)	- HS hiểu rõ khái niệm bài tiết và vai trò của nó với cơ thể sống, các hoạt động bài tiết của cơ thể. - HS xác định được cấu tạo của hệ bài tiết trên hình	- CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục II: Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu: Không dạy chỉ dạy phần đóng khung ở cuối bài	
41	41	Chủ đề: Bài tiết Bài tiết nước tiểu (T2)	- HS trình bày được quá trình hình thành nước tiểu và quá trình bài tiết nước tiểu - HS phân biệt được nước tiểu	- CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục I: Không dạy chi tiết, chỉ dạy sự tạo thành nước tiểu ở phần chữ đóng khung ở cuối bài.	

			đầu, máu và nước tiểu chính thức			Mục II. Lệnh ▼ trang 127: Không thực hiện	
42	42	Chủ đề: Bài tiết Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu (T3)	- HS Trình bày được một số tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu - HS Giải thích được cơ sở khoa học của việc hình thành các thói quen sống khoa học nhằm bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu và sức khỏe.	- CNTT: sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH		
CHƯƠNG VIII. DA							
43	43	Chủ đề: Da Cấu tạo và chức năng của da. (T1)	- HS trình bày được cấu tạo của da - HS phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng	- Tranh: Cấu tạo da - Tranh ảnh các bệnh về da - PHT - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BDKH	Mục I: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu cấu tạo ở phần chữ đóng khung ở cuối bài.	
44	44	Chủ đề: Da Vệ sinh da.(T2)	HS Trình bày được các biện pháp giữ vệ sinh da và cơ sở khoa học của các biện pháp đó.	- Tranh: Cấu tạo da - Tranh ảnh các bệnh về da - PHT	- Giáo dục BDKH - Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG IX. THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN							
45	45	Giới thiệu chung hệ thần kinh.	- HS trình bày được cấu tạo và chức năng của nơron - HS phân biệt được thành phần cấu tạo của hệ thần kinh, chức năng của hệ thần kinh sinh dưỡng và hệ thần kinh vận động	- Tranh H43.1-2 - PHT		Mục I. Nơron - đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh: Không dạy	
46	46	<i>Thực hành:</i> Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tủy sống.	- HS Trình bày được các bước tiến hành thí nghiệm trên ếch - Từ kết quả quan sát, HS trình	- Mẫu vật: ếch, 1 đoạn tủy sống lợn tươi. - H44-1,2 - Dụng cụ mổ, giá treo	- Giáo dục đạo đức	Mục III.2. Nghiên cứu cấu tạo của tủy sống: Không dạy	

			bày được chức năng của tủy sống - HS Trình bày được cấu tạo của tủy sống	ếch, kim băng - Dung dịch HCl 0,3%, 1%, 3%; Diêm, cốc, đĩa kính đồng hồ, bông			
47	47	Dây thần kinh tủy.	- HS trình bày được cấu tạo và chức năng của dây thần kinh tủy - HS giải thích được vì sao dây thần kinh tủy là dây pha	- Tranh H45-1,2 - PHT	- Giáo dục đạo đức.		
48	48	Trụ não, tiểu não, não trung gian.	- HS xác định được vị trí và các thành phần của trụ não, chức năng của trụ não. - HS xác định được vị trí và chức năng của tiểu não. - HS xác định được vị trí và chức năng của não trung gian.	- Tranh Cấu tạo bộ não H46-1,2,3 - PHT	- Giáo dục đạo đức	Mục II, Mục III và Mục IV: Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy vị trí và chức năng các phần. Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1: Không thực hiện	
49	49	Đại não.	- HS trình bày được đặc điểm cấu tạo của đại não, hiểu được chức năng của đại não người. - Biết được một số vùng chức năng trên vỏ đại não người	- Tranh H47-1,2,3,4 - PHT - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	Mục II. Lệnh ▼ trang 149 Không dạy	
50	50	Ôn tập	- Củng cố lại kiến thức trong phần đầu của HKII - HS nắm được các kiến thức trọng tâm về cấu tạo và chức năng của hệ bài tiết nước tiểu, cấu tạo và chức năng của da, cấu tạo và chức năng của các thành phần của hệ thần kinh.	- PHT	- Giáo dục đạo đức		
51	51	Kiểm tra 1 tiết.	- Có kiến thức trọng tâm trong chương VII, VIII, IX: Biết đặc điểm cấu tạo da và đại não phù hợp với chức năng, hiểu quá trình tạo nước tiểu, các thói quen sống khoa học. Hiểu và biết vận		- Giáo dục đạo đức		51

			dụng kiến thức vào giải thích các hiện tượng thực tế. - Rút kinh nghiệm, cải tiến PP học tập của học sinh. - Qua bài kiểm tra GV rút kinh nghiệm, có biện pháp khắc phục cải tiến phương pháp giảng dạy để học sinh có hứng thú học tập.				
52	52	Hệ thần kinh sinh dưỡng.	- HS phân biệt được phản xạ sinh dưỡng với phản xạ vận động. - HS xác định được bộ phận giao cảm và đối giao cảm trong hệ thần kinh sinh dưỡng.	- Tranh: Cung phản xạ vận động và cung phản xạ sinh dưỡng, Phân hệ thần kinh giao cảm và đối giao cảm - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức	- Mục I. Hình 48.2 và nội dung liên quan trong lệnh ▼. Mục II. Bảng 48.1 và nội dung liên quan. Mục III. Bảng 48.2 và nội dung liên quan: Không yêu cầu HS thực hiện. - Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện - Các nội dung còn lại của bài: Không yêu cầu học chi tiết, chỉ học phần chữ đóng khung ở cuối bài	
53	53	Chủ đề: Giác quan Cơ quan phân tích thị giác (T1)	- HS xác định rõ các thành phần cấu tạo của một cơ quan phân tích, nêu được ý nghĩa của cơ quan phân tích đối với cơ thể. - HS mô tả được các thành phần cấu tạo của cơ quan phân tích thị giác, nêu rõ được cấu tạo của màng lưới. - Giải thích rõ cơ chế điều tiết của mắt để nhìn rõ vật.	-Tranh: Cơ quan phân tích thị giác	- Giáo dục đạo đức	- Mục II.1. Hình 49.3 và các nội dung liên quan: Không yêu cầu học sinh thực hiện - Mục II.2.: Không yêu cầu học chi tiết, chỉ học các thành phần của màng lưới - Mục II. Lệnh ▼ trang	

						156 và Mục II.3. Lệnh ▼ trang 157: Không yêu cầu học sinh thực hiện.	
54	54	Chủ đề: Giác quan Vệ sinh mắt (T2)	- HS hiểu rõ nguyên nhân của tật cận thị, viễn thị và cách khắc phục. - HS trình bày được nguyên nhân gây bệnh đau mắt hột, cách lây truyền và cách phòng tránh. - Giải thích rõ cơ chế điều tiết của mắt để nhìn rõ vật.	- Tranh H50-1,2,3,4 - PHT - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục BĐKH		
55	55	Chủ đề: Giác quan Cơ quan phân tích thính giác.(T3)	- HS xác định rõ các thành của cơ quan phân tích thính giác. - HS trình bày được các bộ phận của tai và cấu tạo của cơ quan coocti. - HS trình bày được quá trình thu nhận các cảm giác âm thanh.	- Tranh Cơ quan phân tích thính giác - PHT - CNTT: Khai thác tranh ảnh, video qua trang violet.vn	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục BĐKH	- Mục I. Hình 51.2. và các nội dung liên quan đến cấu tạo ốc tai : Không yêu cầu học sinh thực hiện - Mục I. Lệnh ▼ trang 163: Không yêu cầu học sinh thực hiện	
56	56	Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.	- HS phân biệt được PXCĐK và PXCĐK - HS trình bày được quá trình hình thành các phản xạ có điều kiện và ức chế phản xạ, điều kiện cần khi thành lập PXCĐK - HS trình bày được ý nghĩa của PX có điều kiện đối với đời sống.	- Tranh H52-1,2,3 - PHT - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
57	57	Hoạt động thần kinh cấp cao ở người.	- Phân tích được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các PXCĐK ở người với động vật nói chung và thú nói riêng. - Trình bày được vai trò của tiếng nói, chữ viết và khả năng tư duy, trừu tượng ở người.	- Máy tính, TV	- Giáo dục đạo đức		

58	58	Vệ sinh hệ thần kinh.	- HS hiểu rõ được ý nghĩa sinh học của giấc ngủ đối với sức khỏe. - Nêu rõ tác hại của ma túy và các chất gây nghiện đối với sức khỏe và hệ thần kinh. - Xây dựng cho bản thân một kế hoạch học tập và nghỉ ngơi hợp lý để đảm bảo cho học tập.	- Tranh ảnh chất có hại cho hệ thần kinh -CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG X. NỘI TIẾT							
59	59	Giới thiệu chung hệ nội tiết.	- HS trình bày được sự giống và khác nhau giữa tuyến nội tiết và tuyến NTiết. - HS trình bày được các tuyến nội tiết chính của cơ thể và vị trí của chúng. - Nêu được tính chất và vai trò của sản phẩm tiết của tuyến nội tiết từ đó nêu rõ tầm quan trọng của tuyến nội tiết đối với đời sống	- Tranh H55-1,2,3 - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
60	60	Chủ đề: Tuyến nội tiết Tuyến yên, tuyến giáp.(T1)	HS xác định rõ mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động của các tuyến với các bệnh do hoocmôn của các tuyến đó tiết ra quá ít hay quá nhiều.	- Tranh H56-1,2,3	- Giáo dục đạo đức	Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến	.
61	61	Chủ đề: Tuyến nội tiết Tuyến tụy và tuyến trên thận.(T2)	- HS phân biệt được chức năng nội tiết và ngoại tiết của tuyến tụy trên cấu tạo của tuyến. - HS vẽ được sơ đồ hóa chức năng của tuyến tụy trong sự điều hòa đường huyết. - HS trình bày được các chức năng của tuyến trên thận dựa vào cấu tạo của tuyến. Biết cấu tạo và chức năng của tuyến trên thận.	- Tranh H57-1,2	- Giáo dục đạo đức	Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.	

62	62	Chủ đề: Tuyến nội tiết Tuyến sinh dục(T3)	- HS kể tên được các hooc môn sinh dục nam và nữ. - HS trình bày được chức năng của tinh hoàn và buồng trứng, ảnh hưởng của hooc môn sinh dục nam và nữ đến những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì.	- Tranh H58-1,3	- Giáo dục đạo đức	Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.	
63	63	Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết.	- HS trình bày được các ví dụ chứng minh cơ thể tự điều hoà hoạt động nội tiết - HS hiểu rõ sự phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết	- Tranh: Điều hoà phối hợp hoạt động trong các tuyến nội tiết	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG XI. SINH SẢN							
64	64	Cơ quan sinh dục nam	- HS trình bày được các bộ phận trong cơ quan sinh dục nam, đường đi của tinh trùng từ nơi sinh sản đến khi ra ngoài cơ thể và nêu được chức năng của các bộ phận đó	- Tranh H60-1,2 - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
65	65	Cơ quan sinh dục nữ.	- HS trình bày được các bộ phận và chức năng cơ quan sinh dục nữ - HS nêu được đặc điểm của trứng	- Tranh H61-1,2 - CNTT: Khai thác tranh ảnh, bài tập qua sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
66	66	Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai.	- HS trình bày và phân biệt được sự thụ tinh và sự thụ thai - HS trình bày được sự phát triển của thai - HS trình bày được hiện tượng kinh nguyệt và thấy được dấu hiệu nhận biết của tuổi dậy thì	- Tranh H61-1,3 - PHT - CNTT: Sử dụng sgk điện tử	- Giáo dục đạo đức		
67	67	Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai.	- HS biết được ý nghĩa của việc tránh thai và những nguy cơ của việc có thai ở tuổi vị thành niên- HS nắm được cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai	- Tranh ảnh các dụng cụ và thuốc tránh thai - PHT	- Giáo dục đạo đức - Giáo dục		

				- CNTT: Khai thác tranh ảnh qua violet.vn	BĐKH		
68	68	Ôn tập học kỳ II.	- HS nắm vững được kiến thức của học kì II và kiến thức của toàn bộ chương trình sinh học 8. - Hệ thống hóa kiến thức đó học trong năm. - Nắm chắc kiến thức cơ bản đã học và có khả năng vận dụng kiến thức đó.	- CNTT	- Giáo dục đạo đức		
69	69	Kiểm tra học kỳ II.	- Đánh giá kết quả học tập của HS ở học kỳ II - HS thấy được kết quả học tập thông qua bài kiểm → biết kết quả cả năm		- Giáo dục đạo đức		
70	70	Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục). Đại dịch AIDS - Thảm họa của loài người	- HS trình bày được nguyên nhân, con đường lây truyền, hậu quả và các biện pháp phòng ngừa bệnh lậu và bệnh giang mai - HS trình bày được các biện pháp tránh lây nhiễm HIV/AIDS	- Tranh H64 - PHT - CNTT: Khai thác tranh ảnh qua violet.vn	- Giáo dục đạo đức		

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN SINH HỌC 9

NĂM HỌC 2022 - 2023

Cả năm: 35 tuần (70 tiết)

Học kì I: 18 tuần (36 tiết)

Học kì II: 17 tuần (34 tiết)

STT	Tiết	Chương/Bài học (Chủ đề)	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ							
<i>Chương I. CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MEN ĐEN</i>							
1	1	Mendel và di truyền học	- Nêu được nhiệm vụ, nội dung và vai trò của di truyền học - Giới thiệu được Mendel là người đặt nền móng cho di truyền học. - Nêu được phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel. - Nêu được các quy luật di truyền: kiểu hình trội, kiểu hình lặn; alen trội, alen lặn.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không thực hiện	
2	2	Chủ đề 1: Lai một cặp tính trạng. (T2)	- HS t.bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel. - Hiểu và ghi nhớ các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp và thể dị hợp của Mendel.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4 : Không thực hiện	
3	3	Chủ đề 1: Lai một cặp tính trạng. (T2)	- HS nhận biết được biến dị tổ hợp trong phép lai phân tích. - Giải thích vì sao quy luật phân li chỉ nghiệm đúng trong những điều kiện nhất định.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức	Mục V. Trội không hoàn toàn: Không dạy Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3: Không thực hiện	
4	4	Bài 4: Lai hai cặp tính trạng.	+ HS mô tả được thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Mendel.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức		

5	5	Bài 5: Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo).	- HS hiểu và giải thích được kết quả lai hai cặp tính trạng theo quan niệm của Men đen. - Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
6	6	Bài 7: Bài tập chương I.	+ Củng cố khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền. + Biết vận dụng kiến thức lí thuyết để giải các bài tập.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.		Bài tập 3 trang 22: Không yêu cầu HS làm	
CHƯƠNG II. NHIỄM SẮC THỂ							
7	7	Bài 8: Nhiễm sắc thể.	- Nêu được tính chất đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể của mỗi loài. - Trình bày được sự biến đổi hình thái trong chu kì tế bào. - Mô tả được cấu trúc hiển vi của nhiễm sắc thể và nêu được chức năng của nhiễm sắc thể. - Biết cách quan sát tiêu bản hiển vi hình thái nhiễm sắc thể. - Nêu được mối liên quan giữa bộ NST đơn	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.			
8	8	Chủ đề 2: Cơ chế di truyền ở cấp độ tế bào.(t1)	- HS trình bày được sự biến đổi hình thái nhiễm sắc thể trong chu kì tế bào. .	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử. - Kính HVi: 04 cái- tiêu bản NST: 04 bộ		Mục I. Biến đổi hình thái nhiễm sắc thể trong chu kì tế bào : Không dạy Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1: Không thực hiện	
9	9	Chủ đề 2: Cơ chế di truyền ở cấp độ tế bào.(t2)	- HS trình bày được những diễn biến cơ bản của nhiễm sắc thể qua các kì giảm phân. - Nêu được ý nghĩa của giảm	- CNTT. - SGK điện tử. - Đề kiểm tra 15 p, đáp án, biểu điểm.		Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 : Không thực hiện	

			phân. - Phân biệt được nguyên phân và giảm phân. - Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh hoạ bằng sơ đồ lai 2 cặp gene). - Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn.				
10	10	Bài 11: Phát sinh giao tử và thụ tinh.	- HS mô tả và so sánh các quá trình phát sinh giao tử đực và cái. - Nêu được bản chất của thụ tinh cũng như ý nghĩa của nó và giảm phân đối với sự di truyền và biến dị.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
11	11	Bài 12: Cơ chế xác định giới tính.	- HS được một số đặc điểm của nhiễm sắc thể giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
12	12	Bài 13: Di truyền liên kết.	- Nêu được thí nghiệm của Moocgan và nhận xét kết quả thí nghiệm đó. - Nêu được ý nghĩa thực tiễn của di truyền liên kết. - Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập. - Phân biệt được quy luật di truyền liên kết với quy luật phân li độc lập	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức, giới tính.	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 và câu 4 Không thực	
13	13	Bài 14: Thực hành:	- HS nhận dạng hình thái nhiễm	- CNTT.	- Giáo dục đạo		

		Quan sát hình thái nhiễm sắc thể.	sắc thể ở các kì.	- Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	đức		
CHƯƠNG III. ADN VÀ GEN							
14	14	Bài 15: ADN.	- Nêu được khái niệm nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA (Deoxyribonucleic acid) và RNA (Ribonucleic acid). - Nêu được thành phần hóa học, tính đặc thù và đa dạng của ADN. - Thông qua hình ảnh, mô tả được DNA có cấu trúc xoắn kép, gồm các đơn phân là 4 loại nucleotide, các nucleotide liên kết giữa 2 mạch theo nguyên tắc bổ sung. - Giải thích được vì sao chỉ từ 4 loại nucleotide nhưng tạo ra được sự đa dạng của phân tử DNA.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.			
15	15	Bài 16: ADN và bản chất của gen.	- Nêu được cơ chế tự sao của ADN diễn ra theo nguyên tắc: bổ sung, bán bảo toàn. - Mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA gồm các giai đoạn: tháo xoắn tách hai mạch đơn, các nucleotide tự do trong môi trường tế bào kết hợp 2 mạch đơn theo nguyên tắc bổ sung. Kết quả tạo 2 DNA con giống DNA mẹ, từ đó nêu được ý nghĩa di truyền của tái bản DNA. - Nêu được khái niệm gene. - Nêu được chức năng của gen: + Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật, qua	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.			

			đó gene được xem là trung tâm của di truyền học. + Nêu được chức năng của DNA trong việc lưu giữ, bảo quản, truyền đạt thông tin di truyền. - Nêu được đặc trưng cá thể của hệ gen				
16	16	Bài 17: Mối quan hệ giữa gen và ARN.	- Kể được tên các loại ARN. - Nêu được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung. - Nêu được khái niệm phiên mã.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức		
17	17	Bài 18: Prôtêin.	- Nêu được thành phần hóa học và chức năng của protein (biểu hiện thành tính trạng).	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức	Mục II. Lệnh ▼ trang 55 Không thực hiện	
18	18	Ôn tập giữa kì	- củng cố lại kiến thức đã học - HS nắm được các kiến thức trọng tâm và cách vận dụng kiến thức làm bài tập	Phiếu học tập	- Giáo dục đạo đức		
19	19	Kiểm tra giữa kì	+ HS trình bày được các kiến thức đã học. + Tự đánh giá được mức độ tiếp thu kiến thức của bản thân.. + HS tự nhận ra sự tiến bộ của mình, khuyến khích động viên	- Đề kiểm tra - Đáp án, biểu điểm	- Giáo dục đạo đức	Kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận	
20	20	Bài 19: Mối quan hệ giữa gen và tính trạng Và ứng dụng của phân tích ADN trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,...	- Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: Gen → ARN → Protein → Tính trạng. - Nêu được sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,...	- Phim tổng hợp ARN và Protein	Giáo dục đạo đức	Lệnh ▼ trang 58: Không yêu cầu HS trả lời	

			- Nêu được khái niệm mã di truyền, giải thích được từ 4 loại nucleotide tạo ra được sự đa dạng của mã di truyền; nêu được ý nghĩa của đa dạng mã di truyền, mã di truyền quy định thành phần hoá học và cấu trúc của protein. - Nêu được khái niệm dịch mã. - Nêu được mối quan hệ giữa DNA – RNA – protein – tính trạng thông qua phiên mã, dịch mã và ý nghĩa di truyền của mối quan hệ này. - Vận dụng kiến thức “từ gene đến tính trạng”, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài.				
21		Bài 20: Thực hành: Quan sát và lắp mô hình ADN&	- Biết cách quan sát tháo nắp được mô hình ADN - Vận dụng kiến thức về cấu trúc không gian của ADN và chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nucleôtit để lắp ráp mô hình ADN, thông qua đó củng cố kiến thức về cấu trúc không gian và tính đa dạng của ADN	- Phim mô hình ADN	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG IV. BIẾN DỊ							
22	22	Bài 21: biến gen	- Nêu được khái niệm biến dị. - Phát biểu được khái niệm đột biến gen và kể được tên các dạng đột biến gen. - Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến gene.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử. sơ đồ 21.1 và 21.2,3 SGK	- Giáo dục đạo đức		
23	23	Chủ đề 3: Đột biến NST : Bài 22: Đột	- HS trình bày được khái niệm và một số dạng đột biến cấu trúc	- CNTT. - Bài soạn có sử	- Giáo dục đạo đức		

		biến cấu trúc NST (T1)	NST - Nêu được nguyên nhân và nêu được vai trò của đột biến cấu trúc NST đối với bản thân sinh vật và con người. - Nêu được khái niệm chung về đột biến NST. - Lấy được ví dụ minh họa cho các dạng đột biến nhiễm sắc thể. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.	dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử. - Giáo án chủ đề			
24	24	Chủ đề 3: Đột biến NST : Bài 23: Đột biến số lượng NST (T2)	- HS kể được các dạng đột biến số lượng NST - Giải thích được cơ chế hình thành thể 3 và thể 1 - Nêu được hậu quả của biến đổi số lượng ở từng cặp NST - Lấy được ví dụ minh họa cho các dạng đột biến nhiễm sắc thể. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử. - Giáo án chủ đề	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 67 Không thực hiện	
25	25	Chủ đề 3: Đột biến NST : Đột biến số lượng NST (T3)	- HS phân biệt được hiện tượng đa bội hoá và thể đa bội. - Trình bày được sự hình thành thể đa bội - Lấy được ví dụ minh họa cho các dạng đột biến nhiễm sắc thể. - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử. - Giáo án chủ đề	- Giáo dục đạo đức	Mục IV. Sự hình thành thể đa bội : Khuyến khích học sinh tự đọc Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: Không thực hiện	
26	26	Chủ đề 3: Đột biến NST : Bài 26: <i>Thực hành</i> : Nhận biết một vài dạng đột biến.T4	+ HS nhận biết được một số dạng đột biến hình thái ở thực vật và phân biệt được sự sai khác về hình thái	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - SGK điện tử.	- Giáo dục đạo đức	IV.Sự hình thành thể đa bội: Không dạy	
27	27	Bài 25: Thường biến.	+ HS định nghĩa được khái niệm thường biến.	- CNTT. - Bài soạn có sử	- Giáo dục đạo đức		

			.	dụng các phần mềm tương tác.			
28	28	Bài 27: <i>Thực hành</i> : Quan sát thường biến.	+ Nhận biết được một số thường biến phát sinh ở các đối tượng thường gặp do phản ứng kiểu hình khác nhau	- CNTT. Bộ sưu tập tranh ảnh, tư liệu về các thể đột biến và hiện tượng thường biến.	- Giáo dục đạo đức		
CHƯƠNG V. DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI							
29	29	Bài 28: Phương pháp nghiên cứu di truyền người.	+ Hs nêu được hai khó khăn khi nghiên cứu di truyền học người.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
30	30	Bài 29: Bệnh và tật di truyền ở người.	+ HS phân biệt được bệnh và tật di truyền. + Nêu được đặc điểm di truyền của các tật, bệnh di truyền và đề xuất được một số phương pháp hạn chế phát sinh chúng.	- CNTT. . - Bộ sưu tập tranh ảnh, tư liệu về các bệnh và tật di truyền ở người.	- Giáo dục đạo đức		
31	31	Bài 30: Di truyền học với con người.	- Nêu được khái niệm di truyền y học tư vấn và nội dung của lĩnh vực khoa học này. - Giải thích được cơ sở khoa học của việc kết hôn "1 vợ, 1 chồng" và cấm kết hôn gần trong vòng 3 đời. - Giải thích được tại sao phụ nữ không nên sinh con ở tuổi ngoài 35. - Trình bày được tác hại của ô nhiễm môi trường đối với cơ sở vật chất của tính di truyền con người. - Trình bày được quan điểm về	- CNTT. Bộ sưu tập tranh ảnh, tư liệu về các bệnh và tật di truyền ở người.	- Giáo dục luật hôn nhân	Mục II.1. Bảng 30.1- không dạy	

			lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người				
CHƯƠNG VI. ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC							
32	32	Bài :31 Công nghệ tế bào.	- Học sinh phải hiểu được khái niệm công nghệ tế bào. Nêu được công nghệ tế bào gồm những giai đoạn chủ yếu và hiểu được tại sao cần thực hiện các công đoạn đó.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 89, ý 2 (Để nhận được mô non...) Không thực hiện Mục II. Ứng dụng công nghệ tế bào Không dạy chi tiết về cơ chế, chỉ giới thiệu các ứng dụng	
33	33	Bài 32: Công nghệ gen.	- Nêu được khái niệm kĩ thuật gen và các phương pháp kĩ thuật gen. Trình bày được những ứng dụng kĩ thuật gen trong sản xuất và đời sống. - Nêu được công nghệ sinh học là gì và các lĩnh vực chính của công nghệ sinh học hiện đại, vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất và đời sống. - Nêu được một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di truyền - Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.		Mục I. Khái niệm kĩ thuật gen và công nghệ gen Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài. Mục II. Ứng dụng công nghệ gen Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các ứng dụng.	
34	34	Bài 40: Ôn tập HK1	- Học sinh hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
35	35	Kiểm tra HKI	- Kiểm tra kiến thức của HS phần di truyền và biến dị.	- Đề kiểm tra hk1, đáp án, biểu điểm.	- Giáo dục đạo đức		

			- Thấy được ưu nhược điểm về tiếp thu kiến thức của HS..				
36	36	Chữa và trả bài kiểm tra học kì I	- Thấy được ưu nhược điểm về tiếp thu kiến thức của HS, đánh giá năng lực nhận thức, ý thức học tập của HS giúp GV phân loại HS.	- Đề kiểm tra hk1, đáp án, biểu điểm.		Bài 33. Gây đột biến nhân tạo trong chọn giống (GV hướng dẫn HS đọc thêm ở nhà)	
HỌC KÌ II							
37	37	Bài 34: Thoái hóa do tự thụ phấn và giao phối gần.	- Học sinh hiểu và trình bày được nguyên nhân thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật, vai trò của 2 trường hợp trên trong chọn giống.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức	Mục III. Các phương pháp tạo ưu thế lai Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.	
38	38	Bài 35: Ưu thế lai	- Học sinh hiểu và trình bày được nguyên nhân ưu thế lai.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
39	39	Bài tập về ứng dụng thoái hóa và ưu thế lai	Học sinh vận dụng kiến thức đã học về thoái hóa giống và ưu thế lai để giải thích các hiện tượng thực tế và bài tập vận dụng.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức		
40	40	Bài 37: Thành tựu chọn giống ở Việt Nam	HS nắm được các thành tựu nổi bật trong chọn giống ở Việt Nam đạt được trong chọn giống vật nuôi và cây trồng.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức	``1	
SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG							
Chương I. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG							
41	41	Bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái.	:HS nêu được các khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa	- Giáo dục đạo đức	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4 Không thực hiện	

				điện tử.			
42	42	Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống SV	-Nắm được những ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu, sinh lí và tập tính của SV	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức	Mục I. Lệnh ▼ trang 122-123 Không thực hiện	
43	43	Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống SV.	- Mô tả ảnh hưởng của môi trường sinh thái nhiệt độ môi trường đến các đặc điểm về hình thái, sinh lí và tập tính của sinh vật.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
44	44	Bài 44: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật	- Học sinh hiểu và nắm được thế nào là nhân tố sinh vật. - Trình bày được những mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
45	45	Bài 45: TH: Tìm hiểu MT và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống SV.	- HS nhận biết được các môi trường sống của thực vật - Qua bài học, HS thêm yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Giáo dục học sinh có ý thức trồng và bảo vệ cây xanh		
46	46	Bài 46: TH: Tìm hiểu MT và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống SV.(Tiếp)	- Học sinh nắm được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Giáo dục học sinh có ý thức trồng và bảo vệ cây xanh ,		
CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI							
47	47	Bài 47: Quần thể sinh vật.	- Trình bày được khái niệm quần thể. Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần	- Giáo dục đạo đức		

			lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể.	mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.			
48	48	Bài 48: Quần thể người.	- Học sinh trình bày được 1 số đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan đến vấn đề dân số.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	- Giáo dục đạo đức		
49	49	Bài 49: Quần xã sinh vật.	- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	- Giáo dục đạo đức		
50	50	Bài 50: Hệ sinh thái	Học sinh nêu được khái niệm quần xã, phân biệt quần xã với quần thể. - Nêu được các tính chất cơ bản của quần xã và cho ví dụ. - Lấy được ví dụ minh họa các mối quan hệ sinh thái trong quần xã. - Mô tả được một số dạng biến đổi phổ biến trong quần xã, thấy được sự biến đổi -> ổn định và chỉ ra một số biến đổi có hại do tác động của con người gây nên.	- CNTT - SGK điện tử. - Dao con, vợt bắt côn trùng, kính lúp, mẫu vật	Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học,		

51	51	ÔN TẬP	HS tự hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về sinh vật và môi trường - Nắm được các kiến thức trọng tâm về sv và môi trường - HS biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn đời sống và sản xuất.	Phiếu học tập	Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học,		
52	52	Kiểm tra giữa kì 2	- Thấy được ưu nhược điểm về tiếp thu kiến thức của HS, đánh giá năng lực nhận thức ý thức học tập của HS giúp GV phân loại HS.	Đề kt học	- Giáo dục đạo đức		
54	54	Bài 51: Thực hành: Hệ sinh thái.	Học sinh nêu được các thành phần của hệ sinh thái và 1 chuỗi thức ăn.	- CNTT. - SGK điện tử. - Dao con, vợt bắt côn trùng, kính lúp, mẫu vật	Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học,		
55	55	Bài 52: Thực hành: Hệ sinh thái. (Tiếp theo)	Học sinh nêu được các thành phần của hệ sinh thái và 1 chuỗi thức ăn.	- CNTT. - Sách giáo khoa điện tử. - Dao con, vợt bắt côn trùng, kính lúp, mẫu vật	Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học		
CHƯƠNG III. CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG							
56	56	Bài 53: Tác động của con người đối với MT	- Nêu được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội (phân tích theo hai mặt tích cực và tiêu cực). Cụ thể: + Tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên + Vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	Giáo dục đạo đức		
57	57	Ô nhiễm môi trường (T1)	- Hs nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Hiểu được các nguyên nhân chính gây ô nhiễm và tác hại của việc ô nhiễm môi	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	Chống ÔNMT		

			trường. từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống.	- Sách giáo khoa điện tử.			
58	58	Ô nhiễm môi trường (T2)	Học sinh nắm được các nguyên nhân gây ô nhiễm, từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.			
59	59	Bài 56: Thực hành: tìm hiểu tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương (t1)	- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương. - HS báo cáo tình hình thực tế và đề xuất giải pháp khắc phục hiện trạng ÔNMT cụ thể ở địa phương.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.			
60	60	Bài 57: Thực hành: tìm hiểu tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương (t2)	- Nâng cao nhận thức của HS đối với công tác chống ô nhiễm môi trường.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.			
CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG							
61	61	Bài 58: Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	Học sinh phân biệt được và lấy VD minh họa các dạng tài nguyên thiên nhiên.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN		
62	62	Bài 59: Khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã	- Học sinh phải giải thích được vì sao cần khôi phục môi trường, giữ gìn thiên nhiên hoang dã.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN thiên nhiên,		
63	63	Bài 60: Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái.	- Lấy được ví dụ minh họa các kiểu HST chủ yếu. - Trình bày được hiệu quả của các biện pháp bảo vệ đa dạng các	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN		

			HST từ đó đề xuất được các biện pháp bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.	- Sách giáo khoa điện tử.			
64	64	Bài 62: Thực hành: Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương.	Phát biểu được những ý chính của chương II và III của luật bảo vệ môi trường.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN.		
65	65	Bài 63: Ôn tập sinh vật và môi trường	-Hệ thống hoá được kiến thức về sinh vật và môi trường dưới dạng sơ đồ tư duy.	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN.		
66	66	Bài 64: Tổng kết chương trình toàn cấp.(T1)	- Hệ thống hoá được kiến thức dưới dạng sơ đồ tư duy về: + Đa dạng sinh học. + Tiến hoá của thực vật và động vật. + Sinh học cơ thể. + Sinh học tế bào. + Di truyền và biến dị. + Tiến hoá	- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN.		
67	67	Bài 65: Tổng kết chương trình toàn cấp.(T2)		- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN.		
68	68	Bài 66: Tổng kết chương trình toàn cấp.(T3)		- CNTT. - Bài soạn có sử dụng các phần mềm tương tác. - Sách giáo khoa điện tử.	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN.		
69	69	Ôn tập cuối học kỳ II.	HS hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản trong học kỳ 2	Đề cương ôn tập	Chống ÔNMT, bảo vệ TNTN		
70	70	Kiểm tra học kỳ II.	- Thấy được ưu nhược điểm về	Đề kt học kỳII	GDĐĐ		

			tiếp thu kiến thức của HS, đánh giá năng lực nhận thức ý thức học tập của HS giúp GV phân loại HS.				
--	--	--	--	--	--	--	--